

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/DS-ST

Ngày 30/8/2019

V/v “*Kiện đòi tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Minh Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kiều Văn Dậu.

2. Ông Tô Huy Bân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện VKSND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/8/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2019/TLST-DS, ngày 07/5/2019 về việc “*Kiện đòi tiền hàng phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh 1970 (có mặt).

Trú tại: Thôn M, xã V, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Anh Ng, sinh năm 1971 (có mặt).

Trú tại: Khu Th, phường Kh, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy Q, sinh 1984.

Chị Lê Thị T, sinh 1984 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn M, xã V, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1957 (có mặt).

Trú tại: Thôn H, xã H, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11/2018 giữa bà Nguyễn Thị B và vợ chồng anh Nguyễn Duy Q, chị Tâm có nhiều lần mua bán nhôm với nhau. Hai bên thỏa thuận mỗi lần giao nhận hàng sẽ làm thủ tục cân tại trạm cân 100 tấn Quang Tiến có địa chỉ tại: Thôn Mẫn Xá, xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi cân và giao nhận hàng đầy đủ thì hai bên sẽ tính toán tiền theo giá đã thỏa thuận và cùng ký nhận. Tổng số tiền hàng bà B bán cho vợ chồng anh Q, chị T là 469.960.000 đồng. Theo thỏa thuận sau khi nhận hàng ít ngày thì vợ chồng anh Q, chị T sẽ thanh toán tiền cho bà B và trên thực tế anh Q, chị T đã thanh toán cho bà B được 149.960.000 đồng. Hiện vợ chồng anh Q, chị T còn nợ bà B 320.000.000 đồng tiền hàng. Khi cần tiền bà B đã đến đòi nhiều lần nhưng chị T, anh Q chưa trả. Nay bà B yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị T, anh Q phải trả bà B số tiền hàng còn lại là 320.000.000 đồng, về lãi suất không yêu cầu.

Ông Nguyễn Thanh B là đại diện cho bị đơn trình bày và xác nhận giữa bà B và chồng chị T, anh Q có việc quan hệ mua bán nhôm với nhau vào khoảng tháng 11/2018. Tổng số tiền hàng vợ chồng chị T, anh Q mua của bà B là 469.960.000 đồng và đã thanh toán trả cho bà B số tiền là 149.960.000 đồng, hiện còn nợ bà B 320.000.000 đồng là đúng.

Nay bà B yêu cầu vợ chồng chị T, anh Q phải trả bà số tiền còn nợ là 320.000.000 đồng, về lãi suất không yêu cầu. Vợ chồng chị T, anh Q đồng ý trả bà B số tiền trên, nếu bà B đồng ý vợ chồng chị T, anh Q sẽ trả bằng hiện vật là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH và 01 bộ bàn ghế trị giá khoảng 150.000.000 đồng, số còn lại xin được trả dần.

Tại phiên toà: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị T, anh Q phải trả bà B số tiền hàng còn nợ là 320.000.000 đồng, về lãi suất không yêu cầu.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận vợ chồng chị T, anh Q còn nợ bà B số tiền hàng theo như yêu cầu của bà B là đúng nhưng xin được trả dần số tiền trên.

Giữa nguyên đơn, bị đơn thống nhất và không có tranh chấp với nhau về nội dung việc mua bán nhôm và số tiền hàng còn nợ. Đây là những vấn đề không cần phải chứng minh trong vụ án. Giữa các bên đương sự chỉ chưa thống nhất được với nhau về thời gian và cách thức thanh toán số tiền hàng còn nợ.

Bị đơn là anh Nguyễn Duy Q đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là Q theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Yên Phong phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng qui định của pháp luật tổ tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Duy Q không chấp hành các quy định của pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX.

Về quan hệ pháp luật: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc là kiện đòi tiền hàng.

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39 BLTTDS; Điều 430, 440 BLDS năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Duy Q, chị Lê Thị T phải trả bà Nguyễn Thị B số tiền hàng còn nợ là 320.000.000 đồng.

Về lãi suất không đặt ra xem xét do bà B không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tháng 11/2018 giữa bà B và vợ chồng chị T, anh Q có giao dịch mua bán nhôm với nhau. Theo thỏa thuận giữa hai bên về việc mua bán thì mỗi lần giao nhận hàng sẽ làm thủ tục cân tại trạm cân 100 tấn Quang Tiến có địa chỉ tại: Thôn Mẩn Xá, xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi cân hàng và giao nhận đầy đủ thì hai bên sẽ tính toán tiền theo giá đã thỏa thuận và cùng ký nhận. Tổng số tiền hàng bà B bán cho vợ chồng anh Q, chị T là 469.960.000 đồng. Theo thỏa thuận sau khi nhận hàng ít ngày thì vợ chồng anh Q, chị T sẽ thanh toán tiền cho bà B và trên thực tế anh Q, chị T đã thanh toán cho bà B được 149.960.000 đồng. Hiện vợ chồng chị T, anh Q còn nợ bà B 320.000.000 đồng. Xét thấy giao dịch mua bán hàng hóa giữa bà B và vợ chồng chị T, anh Q là hợp pháp, khi thực hiện giao dịch các bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự. Mọi thỏa thuận của các bên là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật và hiện các bên không có tranh chấp gì về giao dịch mua bán hàng hóa với nhau. Giữa các bên đương sự chỉ chưa có sự thống nhất với nhau về thời gian, cách thức thanh toán số tiền hàng còn lại là 320.000.000 đồng. Xét thấy đây là quan hệ kiện đòi tiền hàng phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa. Việc anh Q, chị T không thanh toán trả bà B số tiền hàng còn nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua.

[2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị B yêu cầu vợ chồng chị T, anh Q phải trả cho chị số tiền hàng còn nợ là 320.000.000 đồng HĐXX nhận thấy: Yêu cầu này của bà B là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 440 BLDS năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả tiền của bên mua nên cần được chấp nhận để buộc anh Nguyễn Duy Q, chị Lê Thị T phải trả bà B số tiền hàng còn nợ là 320.000.000 đồng và yêu cầu này của bà B được chị T đồng ý.

Về lãi suất bà B không yêu cầu do vậy không đặt ra xem xét.

[3] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Giảm 50% khoản tiền án phí phải chịu cho anh Q, chị T vì xét thấy hiện anh Q, chị T đang gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147; 239; 243; 248; 260; 264; 267 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 357, 430, 440 BLDS năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

1. Buộc anh Nguyễn Duy Q, chị Lê Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền hàng còn nợ là 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng).

Về lãi suất bà B không yêu cầu do vậy không đặt ra xem xét.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án nếu người phải thi hành án không tự giác thi hành thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Duy Q, chị Lê Thị T phải chịu 16.000.000 đồng án phí DSST. Giảm 50% khoản tiền án phí phải chịu cho anh Quảng, chị Tâm. Anh Q, chị T còn phải chịu 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) án phí DSST.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị B do ông Nguyễn Anh Ng đại diện 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2018/0000511 ngày 02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc ngày niêm yết kết quả bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Tòa án tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Yên Phong.
- Người tham gia tố tụng khác.
- THA huyện Yên Phong.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Minh Nam

